

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày: 15/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ
Ông Trần Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 15/2/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 01/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐ-HPT ngày 15/02/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/TB- TA ngày 06/3/2023, đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc T, tên gọi khác: không; sinh ngày 04 tháng 5 năm 1985 tại Phú Ninh, Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Nơi tạm trú: số 274 đường N, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Th1; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Có vợ là Lê Thị Tr; Có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2011 và con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Tr, tên gọi khác: không; Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1993 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Nơi tạm trú: 274 N, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên

Chiều, thành phố Đà Nẵng ; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Ch và bà Phạm Thị T; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có chồng là Trần Ngọc T; Có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2011 và con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1994, địa chỉ: 195 N, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Tống Thị Hải U, sinh năm: 1989, địa chỉ: 195 N, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2. Ông Trương Thanh Tr1, sinh năm: 1955, địa chỉ: Tổ 19, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- **Người chứng kiến:**

1. Anh Trần Quốc T, sinh năm: 1985, địa chỉ: K196/H20/19 đường T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2. Anh Trần Quang S, sinh năm: 1998, địa chỉ: số 74 đường B, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Việt T, sinh năm: 1966, địa chỉ: 190 H, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 12 năm 2021, hai vợ chồng Lê Thị Tr và Trần Ngọc T có thuê nhà của ông Trương Thanh Tr1 tại 860 Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng để mở quán kinh doanh ăn uống. Đến ngày 26/12/2020, vợ chồng Tr đã thống nhất sang nhượng lại mặt bằng cùng tất cả các đồ đạc trong quán với tổng giá trị là 35.000.000 đồng cho anh Phạm Văn D. Vợ anh D là chị Tống Thị Hải U đã đặt cọc trước 10.000.000 đồng và D hẹn đến ngày 26/01/2022 sẽ thanh toán tiền còn lại cho vợ chồng chị Tr. Phía chị Tr bàn giao toàn bộ tài sản trong quán cho D giữ và quản lý tại quán. Phía anh D làm việc với ông Tr1 để tiếp tục thuê mặt bằng và sau đó vận chuyển thêm một số tài sản của mình đến quán để đồ nhưng chưa khai trương kinh doanh và về Huế.

Lúc 13 giờ cùng ngày 26/01/2022, vợ chồng Tr và T đến quán số 860 Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thì Tr gọi điện cho D đòi tiền. Lúc này, D đang ở Huế chưa trả tiền được nên xin hẹn lại ngày trả nợ nhưng Tr không

chấp nhận và tuyên bố với D sẽ lấy hết tài sản trong quán đem về, hẹn lúc nào D vào trả nợ số tiền còn lại thì Tr sẽ trả lại tài sản, D có nói lại với Tr là "đồ tài sản của chị thì chị cứ lấy về, tôi sẵn sàng chịu mất cọc, nhưng đồ tài sản của tôi thì chị không được lấy". Sau đó D đã gọi điện thoại cho bạn mình là anh Trần Quốc T đến quán để xem giải quyết vụ việc, khi T đến thì Tr đưa cho T xem giấy nhận cọc của hai bên đã ký nên T chỉ chứng kiến không can thiệp gì nữa. T thuê hai chuyến xe Taxi tải Thuận Thành đến để lấy một số tài sản của D đang để tại nhà 860 Trần Cao Vân vận chuyển đem về kho tại tổ 01, thôn Đại La, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cất giữ gồm: 01 tủ đông hiệu Merino, 01 tủ đông hiệu Vinamilk, 02 tủ lạnh Peppesi, 01 tủ bán cơm, 07 bàn nhựa hiệu Song Long, 20 ghế nhựa hiệu Song Long; 08 bàn gỗ, 30 ghế gỗ (Tài sản của Phạm Văn D), 10 ghế sắt, 01 tủ bán sinh tố (tài sản của vợ chồng Tr và T).

Tiếp đó vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/02/2022, vợ chồng Tr, T tiếp tục đến quán số 860 Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng tìm gặp D lấy nợ nhưng không gặp D. Sau đó Tr tiếp tục gọi điện cho D thông báo sẽ tiếp tục lấy tài sản của D để tại quán, lúc nào D đến trả nợ thì sẽ trả lại tài sản. Do không có D tại quán và trao đổi lấy nợ không được, T thuê một chuyến xe Taxi tải Thuận Thành để vận chuyển một số tài sản gồm: 01 máy xay sinh tố đa năng hiệu PROMIX, 01 máy ép hiệu PROMIX, 01 nồi cơm điện, 01 nồi hầm xương, 02 vỏ bình ga Petro Miền Trung, 07 bức tranh nhỏ, 01 bếp kho 03 đầu, 01 bộ máy tính tiền, 01 nồi hấp là tài sản của Phạm Văn D. Tất cả tài sản trên Tr và T đem về kho tại tổ 01, thôn Đại La, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cất giữ. Sau đó đến khoảng cuối tháng 4 và tháng 5 năm 2022, T và Tr không thấy D liên lạc trả tiền S nhượng quán thì đã đăng tin thanh lý trên trang mạng xã hội rồi bán 01 tủ lạnh Peppesi, 01 nồi cơm điện, 01 bếp kho 03 đầu, 01 nồi hấp, 08 bàn gỗ, 30 ghế gỗ (của D); 02 bộ điều hòa, 10 ghế sắt, 01 tủ bán sinh tố (tài sản của vợ chồng Tr) cho một người không rõ nhân thân lai lịch cụ thể được 16.000.000đ (tài sản đã bán hiện nay không thu hồi được).

Đến ngày 27/05/2022, sau nhiều lần điện thoại đề nghị vợ chồng chị Lê Thị Tr và Trần Ngọc T trả lại tài sản đã lấy của mình không được nên Phạm Văn D đã có đơn trình báo Công an. Qua làm việc với cơ quan Công an, Tr và T thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

(Bút lục: 41-63; 72-80; 86-96; 101-115)

Vật chứng tạm giữ:

- 01 tủ đông hiệu Merino; 01 tủ đông hiệu Vinamilk; 01 tủ lạnh Peppesi.
- 01 tủ bán cơm; 01 máy xay sinh tố đa năng hiệu PROMIX.
- 01 máy ép hiệu PROMIX; 01 nồi cơm điện hầm xương, Inox, 50lit.
- 02 vỏ bình ga Petro Miền Trung; 07 bàn nhựa hiệu Song Long; 20 ghế nhựa hiệu Song Long; 07 bức tranh nhỏ (tài sản của Phạm Văn D còn lại thu giữ được).

*** Xử lý vật chứng:**

Đối với những tài sản thu giữ được, sau khi phục vụ quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê đã trả lại cho bị hại Phạm Văn D, bị hại đã nhận đủ tài sản nêu trên và không có yêu cầu hay khiếu nại, khiếu kiện gì.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tại quận Thanh Khê trong tổ tụng hình sự xác định những tài sản nêu trên có trị giá là 13.120.000đ.

Theo bị hại Phạm Văn D khai nhận những tài sản không thu hồi được có giá trị là 20.100.000 đồng, đồng thời Trần Ngọc Trinh và Lê Thị Tr thống nhất những giá trị này là 20.100.000 đồng để làm cơ sở giải quyết vụ việc và không có ý kiến yêu cầu gì.

*** Về phần dân sự:** Quá trình điều tra, ông Phạm Văn D yêu cầu Tr và T bồi thường 40.000.000 đồng, Tr và T đã bồi thường xong và không có yêu cầu gì thêm, đồng thời anh D có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Tr và T. (Bút lục: 116; 117)

Cáo trạng số 14/CT-VKSTK ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng truy tố Trần Ngọc T, Lê Thị Tr về tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 172, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T và Lê Thị Tr từ 06 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ

*** Về xử lý vật chứng:**

- Toàn bộ tài sản là vật dụng trong quán ăn của anh Phạm Văn D đã thu hồi lại được gồm: 01 tủ đông (tủ kem) hiệu Mario, 01 tủ đông (tủ kem) hiệu Vinamilk, 01 tủ lạnh Peppesi, 01 tủ bán cơm, 01 máy xay sinh tố đa năng hiệu PROMIX, 01 máy ép hiệu PROMIX, 01 nồi điện hầm xương Inox 50 lít, 02 vỏ bình ga Petro Miền Trung, 07 bàn nhựa và 20 ghế màu vàng hiệu Song Long, 07 bức tranh nhỏ; đã được Cơ quan Công an quận Thanh Khê trao trả cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn D.

- Đề nghị HĐXX truy thu số tiền 16.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính mà bị cáo T và Tr có được do hành vi bán, thanh lý trái phép tài sản của bị hại để nộp ngân sách nhà nước.

Về phần dân sự: Bị cáo T, Tr đã bồi thường xong cho anh D và bị hại thống nhất, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không xem xét phần bồi thường thiệt hại tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Trần Ngọc T, Lê Thị Tr thừa nhận toàn bộ hành vi sai phạm xin HĐXX cân nhắc ý thức khi thực hiện hành vi là do bị cáo thiếu hiểu biết quy định pháp luật cho bị cáo hưởng mức thấp nhất để có cơ hội rèn luyện bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Trần Ngọc T và bị cáo Lê Thị Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ tranh chấp dân sự trong hợp đồng miệng S nhượng các tài sản là vật dụng quán ăn giữa vợ chồng Trần Ngọc T, Lê Thị Tr và bị hại Phạm Văn D do D không thanh toán hết số tiền S nhượng tài sản 25.000.000 đồng còn thiếu. Nên vào các ngày 26/01/2022 và 19/02/2022 tại nhà số 860 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Trần Ngọc T và Lê Thị Tr đã hai lần công nhiên chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Văn D với tổng giá trị là 33.220.000đ. Cụ thể:

+ Lần 1: vào ngày 26/01/2022, Tr và T công nhiên chiếm đoạt 01 tủ đông hiệu Merino, 01 tủ đông hiệu Vinamilk, 01 tủ lạnh Peppesi, 01 tủ lạnh Alaska; 01 tủ bán cơm, 07 bàn nhựa hiệu Song Long, 20 ghế nhựa hiệu Song Long, 08 bàn gỗ, 30 ghế gỗ, có giá trị là 19.880.00 đồng.

+ Lần 2: vào ngày 19/02/2022, Tr và T công nhiên chiếm đoạt 01 máy xay sinh tố đa năng hiệu PROMIX, 01 máy ép hiệu PROMIX, 01 nồi cơm điện, 01 nồi hầm xương, 02 vỏ bình ga Petro Miền Trung, 07 bức tranh nhỏ, 01 bếp kho 03 đầu, 01 bộ máy tính tiền, 01 nồi hấp, có giá trị là 13.340.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc T và Lê Thị Tr đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*", tội phạm được quy định tại khoản 1 điều 172 Bộ luật Hình sự. Như vậy bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 13/01/2023 của

Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo là có cơ sở đúng người đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Bị cáo T và Tr là người trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản trái phép của người khác được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên khi thực hiện hành vi các bị cáo T, Tr không có sự bàn bạc, phân công vai trò từ trước mà khi đến thời điểm D hẹn trả tiền thì bị cáo T và Tr đến tìm D nhưng do không tìm được D mới nảy sinh ý định chở tài sản của D để tại mặt bằng thuê số 860 Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng về cất để buộc D quay lại trả tiền, sau đó thì đem đi thanh lý trái phép một số tài sản của D để thu hồi tiền S nhượng. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn. Quá trình thực hiện hành vi, bị cáo T có vai trò chủ đạo như chủ động việc gọi xe tải Thuận Thành để tiến hành chở tài sản của D, liên hệ thuê kho tại thôn Đại La để cất giấu tài sản và là người trực tiếp đem bán thanh lý tài sản của để thu tiền. Hành vi của bị cáo T xuyên suốt trong việc phạm tội trong khi đó bị cáo Tr chỉ có hành vi hỗ trợ không tham gia toàn bộ quá trình cùng bị cáo T. Hội đồng xét xử đã làm rõ vai trò của các bị cáo tại phiên tòa, xét bị cáo T đóng vai trò chủ đạo nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Tr do vai trò phạm tội thấp hơn.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và quyết định hình phạt:

Bị cáo Trần Ngọc T, Lê Thị Tr chưa có tiền án tiền, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường, khắc phục hậu quả và được bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo T và Tr được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T và Tr thực hiện hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản 02 lần, mỗi lần đều đủ cấu thành truy cứu trách nhiệm hình sự do đó các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng thuộc trường hợp các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Xét tính chất phạm tội của các bị cáo là xuất phát từ thiếu hiểu biết pháp luật nên đã không giải quyết tranh chấp với bị hại bằng con đường dân sự. Sau khi phạm tội các bị cáo đã nhận thức được đó là hành vi vi phạm pháp luật nên đã hợp tác điều tra, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường thiệt hại và hoàn cảnh khó khăn đang nuôi ba con nhỏ nên HĐXX xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 về án treo và điểm b, mục 2, Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP sửa đổi Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 cho bị cáo Trần Ngọc T và Lê Thị Tr hưởng án treo tạo điều kiện cho các bị cáo ở nhà lao động nuôi ba con nhỏ, rèn luyện bản thân cũng đã đủ sức răn đe các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Toàn bộ tài sản là vật dụng trong quán ăn của anh Phạm Văn D đã thu hồi lại được gồm: 01 tủ đông (tủ kem) hiệu Mario, 01 tủ đông (tủ kem) hiệu Vinamilk, 01 tủ lạnh Peppesi, 01 tủ bán cơm, 01 máy xay sinh tố đa năng hiệu PROMIX, 01 máy ép hiệu PROMIX, 01 nồi điện hầm xương Inox 50 lít, 02 vỏ bình ga Petro Miền Trung, 07 bàn nhựa và 20 ghế nhựa màu vàng hiệu Song Long, 07 bức tranh nhỏ đã được Cơ quan Công an quận Thanh Khê trao trả cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn D nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

- Xét số tiền 16.000.000 đồng bị cáo Trần Ngọc T và Lê Thị Tr thu lợi bất chính có được do hành vi bán, thanh lý trái phép tài sản nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về phần dân sự: Bị cáo T, Tr đã bồi thường xong cho anh D và bị hại thống nhất, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét phần bồi thường thiệt hại tại phiên tòa.

[8]. Các vấn đề khác:

- Phần tranh chấp tiền S nhượng tài sản giữa vợ chồng bị cáo T, Tr với bị hại Phạm Văn D đã được hai bên thống nhất giải quyết xong tại cơ quan Công an nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

- Các giao dịch liên quan đến tiền thuê mặt bằng với ông Trương Thanh Tr1 chủ nhà, tiền thuê xe vận chuyển của taxi tải Thuận Thành các bên đã giải quyết xong và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Trần Ngọc T và Lê Thị Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử không chấp nhận luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đề nghị áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Ngọc T và Lê Thị Tr.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T, Lê Thị Tr phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15/3/2023.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Tr 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15/3/2023.

Giao bị cáo Trần Ngọc T, Lê Thị Tr cho UBND phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành án. Trong trường hợp Trần Ngọc T, Lê Thị Tr thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Ngọc T, Lê Thị Tr cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Ngọc T, Lê Thị Tr phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 16.000.000 đồng bị cáo Trần Ngọc T và Lê Thị Tr thu lợi bất chính từ hành vi bán trái phép tài sản chiếm đoạt.

3. Bị cáo Trần Ngọc T, Lê Thị Tr mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về thời hạn kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15.3.2023; Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- QCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- TAND Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân

